

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU

LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Ngày 26 tháng 11 năm 2013, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ngày 09 tháng 12 năm 2013, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Lệnh công bố Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2014.

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được ban hành từ năm 2005 đã tạo được khung pháp lý có giá trị cao và đồng bộ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhân dân. Theo đó, đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức về THTK, CLP của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân trong lao động, sản xuất và đời sống. Các Bộ ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch công tác đưa việc tổ chức triển khai thực hiện THTK, CLP thành một nội dung của hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, đưa kết quả THTK, CLP thành tiêu chí xem xét, đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, thực tế thi hành Luật cho thấy tình trạng lãng phí vẫn xảy ra trên nhiều lĩnh vực, chưa được ngăn chặn triệt để, cụ thể như sau:

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí NSNN chi thường xuyên:

Một số cơ quan, đơn vị, vẫn còn tình trạng chi vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc sử dụng kinh phí sai mục đích; không thực hiện nghiêm túc việc

quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến lãng phí hoặc sử dụng không hiệu quả kinh phí NSNN được giao làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Từ năm 2006 đến năm 2010, các đơn vị ngành Tài chính thực hiện 32.933 cuộc thanh tra, kiểm tra, tập trung vào công tác điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí NSNN tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và kiến nghị xử lý tài chính 18.473 tỷ đồng, trong đó: thu hồi nộp NSNN 15.037 tỷ đồng; xử phạt hành chính 1.037 tỷ đồng; xử lý tài chính khác 2.398 tỷ đồng. Từ 2006 - tháng 7/2012, hệ thống kho bạc nhà nước đã thực hiện kiểm soát và phát hiện trên 219.000 khoản chi của hơn 96.443 lượt đơn vị chưa chấp hành đúng thủ tục, chế độ quy định và đã yêu cầu đơn vị bổ sung các thủ tục cần thiết, đã từ chối chưa thanh toán với số tiền khoảng 2.086 tỷ đồng.

2. Trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước:

Việc quản lý và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong những năm qua còn nhiều hạn chế, yếu kém, thất thoát, lãng phí xảy ra ở hầu hết các giai đoạn của quá trình đầu tư, dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp. Trong năm 2010, cả nước có 3.386 dự án chậm tiến độ, chiếm 9,78% số dự án thực hiện trong kỳ; số dự án phải điều chỉnh chiếm 15,14% (5.239/34.607); số dự án vi phạm quy định về quản lý đầu tư là 221 dự án, chiếm 0,63% (vi phạm về thủ tục đầu tư 112 dự án, vi phạm về quản lý chất lượng 109 dự án) (Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2011). Kết quả kiểm toán 8 tháng đầu năm 2012 cho thấy hầu hết các dự án đầu tư được kiểm toán đều có sai phạm trong công tác đấu thầu, thẩm định, phê duyệt dự án, nghiệm thu không, nghiệm thu sai khối lượng, đơn giá, quyết toán thừa cho nhà thầu.

3. Trong quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ:

Tình trạng sử dụng nhà đất không đúng mục đích, bị lấn chiếm hoặc để hoang hóa, khai thác không hết công năng hoặc sai mục đích vẫn còn tồn tại. Một số nơi buông lỏng quản lý dẫn đến tình trạng giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, để lãng phí. Tình trạng giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất sai quy định, không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền dẫn đến khiếu kiện đông người vẫn còn xảy ra. Quy hoạch “treo” vẫn còn ở nhiều địa phương gây lãng phí lớn nhưng chậm được khắc phục.

4. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

Vẫn còn cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước chưa đạt hiệu quả cao trong quản lý nhà nước. Đội ngũ cán bộ công chức có nơi chất lượng chưa cao, hiệu quả quản lý, sử dụng chưa đạt yêu cầu. Vẫn còn không ít cơ quan, tổ chức chưa có quy chế nội bộ về quản lý thời gian lao động, sắp xếp công việc thiếu khoa học, hợp lý dẫn đến hiệu quả sử dụng thời gian lao động thấp.

5. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa ý thức được việc cần thiết phải áp dụng những biện pháp tiết kiệm để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh nên hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp. Quản lý tài chính tại doanh nghiệp nhà nước vẫn còn sơ hở, sử dụng vốn kém hiệu quả, một số doanh nghiệp thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong khi năng lực quản lý, trình độ quản trị doanh nghiệp và khả năng tài chính có hạn dễ thua lỗ kéo dài. Trong 6 tháng đầu năm 2012 thực hiện tiết giảm chi phí được 4.433 tỷ đồng trên tổng số 12.548,7 tỷ đồng đã đăng ký, đạt 35.22% (Báo cáo số 242/BC-CP ngày 21/9/2012). Năm 2011, một số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thua lỗ lớn (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xăng dầu quân đội) hoặc có lãi nhưng hiệu quả chưa cao (Tổng công ty CP Xây lắp dầu khí); một số doanh nghiệp sử dụng đất kém hiệu quả (Tổng công ty CN Sài Gòn, Tổng công

ty Văn hoá Sài Gòn, Tổng công ty Xăng dầu quân đội, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam);... (Báo cáo số 1256/BC-KTNN ngày 05/9/2012).

6. Trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân:

Trong việc tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng tình trạng lãng phí vẫn còn diễn ra. Nguyên nhân của tình trạng trên là:

- *Thứ nhất*, công tác tổ chức thực hiện Luật nhiều khi chưa được quan tâm thực hiện nghiêm túc; một số bộ, ngành địa phương chưa thực sự tự giác trong việc xây dựng các giải pháp để triển khai việc THPTK, CLP trong lĩnh vực, phạm vi được giao quản lý. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp THPTK,CLP có nơi, có lúc chưa được đề cao. Công tác giám sát của các cơ quan dân cử, của các tổ chức xã hội và hiệp hội nghề nghiệp, nhất là giám sát của nhân dân chưa được phát huy, hiệu quả thấp.

- *Thứ hai*, hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ trong việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khá thường xuyên tuy nhiên vẫn còn chưa sát với thực tế dẫn đến ý thức chấp hành còn hạn chế, thực hiện chưa nghiêm, gây lãng phí vốn và tài sản nhà nước trong nhiều lĩnh vực.

- *Thứ ba*, chưa có quy định cụ thể hành vi gây lãng phí, chưa có cơ chế, biện pháp hiệu quả trong triển khai THPTK, CLP, việc triển khai Luật vào cuộc sống còn hạn chế. Biện pháp triển khai thông qua Chương trình THPTK, CLP còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu, mới chỉ mang tính dài hạn mà chưa đưa ra được các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể. Các quy định về THPTK, CLP tại Luật hiện hành còn chung chung, dàn trải và trùng lặp, chưa bao quát thể hiện được rõ nội hàm về THPTK, CLP trong các lĩnh vực.

- *Thứ tư*, công tác thanh tra, kiểm tra về thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại các cấp các ngành chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục và có hiệu

quả. Các quy định về thanh tra, kiểm tra, trong THTK, CLP còn chưa cụ thể nên làm hạn chế tính hiệu lực, hiệu quả trong triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thứ năm, một số quy định của Luật chưa cập nhật với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong thời gian qua. Kể từ khi Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ban hành và có hiệu lực (1/6/2006), Quốc hội đã ban hành nhiều Luật mới có liên quan, trong đó có 10 luật chuyên ngành được sửa đổi, bổ sung và 13 luật chuyên ngành được ban hành mới, đã làm cho các quy định trong Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở nên khó triển khai thực hiện, phát sinh nhu cầu phải sửa đổi cho phù hợp để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, một số quy định của Luật còn chung chung, mang tính hình thức, chưa đưa ra được các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể. Đồng thời, phạm vi điều chỉnh của Luật cũng chưa bao quát được hết một số lĩnh vực như quản lý sử dụng tài sản nhà nước; quản lý, sử dụng các loại tài nguyên; quản lý, sử dụng các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Theo đó, để kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật năm 2005, đặc biệt là gia tăng các cơ chế, biện pháp thực hành tiết kiệm, xác định rõ hành vi vi phạm, chế tài xử lý các hành vi gây lãng phí để góp phần ngăn chặn và đẩy lùi lãng phí đang là vấn nạn hiện nay; hoàn thiện thêm cơ chế phát hiện và đấu tranh chống các hành vi gây lãng phí một cách hiệu lực, hiệu quả thông qua việc tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, kiểm toán nội bộ, kiểm soát chi trong các lĩnh vực THTK, CLP và đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, việc ban hành Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thay thế Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Kế thừa những nội dung, quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2005 còn phù hợp; Luật hóa các quy định dưới Luật đã được thực hiện ổn định, có hiệu quả.

2. Làm rõ hơn các quy định về chống lãng phí; lấy chống lãng phí làm trọng tâm trên cơ sở thực hiện tốt thực hành tiết kiệm xuyên suốt trong các quy định của Luật và trong cơ chế tổ chức điều hành, thực thi Luật.

3. Sửa đổi các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định về cơ chế, giải pháp, biện pháp cụ thể về THPT, CLP; bổ sung, cụ thể hóa các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhằm tăng tính hiệu quả, hiệu lực của các biện pháp THPT, CLP; bổ sung làm rõ các hành vi vi phạm để có chế tài xử lý tăng tính khả thi trong thực hiện Luật.

4. Cập nhật hệ thống pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật liên quan; bảo đảm tính minh bạch và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 được bố cục thành 5 chương gồm 80 Điều, trong đó quy định việc thực hành tiết kiệm trong các lĩnh vực tập trung tại Chương II, cụ thể như sau:

- **Chương I:** Quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10)

Nội dung Chương này quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Nguyên tắc THPT, CLP; Công khai về THPT, CLP; Giám sát về THPT, CLP; Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc THPT, CLP; Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc THPT, CLP; Phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí; Kiểm tra, thanh tra, kiểm soát chi, kiểm toán nhà nước.

- **Chương II:** Quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong một số lĩnh vực gồm 8 mục và 56 điều (từ Điều 11 đến Điều 66), cụ thể như sau:

+ Mục 1: THPT, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

Mục này gồm 6 điều (từ Điều 11 đến Điều 16). Mục này quy định về: Hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Nguyên tắc ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Trách nhiệm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

+ Mục 2: THPT, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Mục này gồm 11 điều (từ Điều 17 đến Điều 27) quy định về THPT, CLP trong: Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước; Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia; Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế; Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước; THPT, CLP trong một số trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước; Giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, tổ chức; Hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

+ Mục 3: THPT, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.

Mục này gồm 5 điều (từ Điều 28 đến Điều 32) quy định về THPT, CLP trong: Mua sắm; trang bị, sửa chữa phương tiện đi lại; Quản lý, sử dụng phương tiện đi lại; Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc và các hành vi gây lãng phí trong mua

sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin liên lạc.

+ Mục 4: THPT, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

Mục này gồm 13 Điều (từ Điều 33 đến Điều 45) quy định về THPT, CLP trong: Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và danh mục dự án đầu tư, dự án đầu tư; Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình; Lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư; Thực hiện dự án đầu tư, thi công công trình; Quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng; Tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành công trình xây dựng; Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng và hành vi lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng.

+ Mục 5: THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Mục này gồm 6 điều (từ Điều 46 đến Điều 53) quy định về: Nguyên tắc THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; THPT, CLP trong quản lý, sử dụng đất, tài nguyên nước, khoáng sản, tài nguyên rừng và tài nguyên khác; Sử dụng tài nguyên tái chế và các nguồn năng lượng tái tạo; Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên.

+ Mục 6: THPT, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Mục này gồm 5 điều (từ Điều 54 đến Điều 58) quy định về: Nguyên tắc THPT, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; THPT, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và trong các cơ quan, tổ chức khác; Hành vi

gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

+ Mục 7: THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Mục này gồm 4 điều (từ Điều 59 đến Điều 62) quy định về THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; THPTK, CLP tại doanh nghiệp nhà nước; Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Mục 8: THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Mục này gồm 4 điều (từ Điều 63 đến Điều 66) quy định về: Nguyên tắc THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân; THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân; THPTK, CLP trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng; Tổ chức thực hiện quy định về THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

- **Chương III:** Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gồm 12 Điều (từ Điều 67 đến Điều 75)

Chương này quy định về trách nhiệm trong THPTK, CLP của Chính phủ, Bộ Tài chính, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cơ quan thanh tra; Kiểm toán nhà nước; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.

- **Chương IV:** Khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm gồm 3 điều (từ Điều 76 đến Điều 78)

- **Chương V:** Điều khoản thi hành gồm 2 điều (Điều 79 và Điều 80) quy định về hiệu lực thi hành và quy định chi tiết Luật

Như vậy, so với Luật năm 2005 (gồm 11 chương, 86 điều), Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 giảm 6 chương và 6 Điều. Việc giảm số chương, điều nói trên là kết quả của rà soát, xử lý những nội dung trùng lặp tại Luật hiện hành.

2. Nội dung cơ bản của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

2.1. Về phạm vi và đối tượng điều chỉnh

- Về phạm vi điều chỉnh:

Luật năm 2005 quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước, tài nguyên thiên nhiên và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật năm 2005, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã kết cấu lại và làm rõ hơn phạm vi điều chỉnh về: (1) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; (2) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; (3) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (Điều 1).

Về nội dung này, trong quá trình soạn thảo, có ý kiến cho rằng Luật này chỉ điều chỉnh đối với khu vực nhà nước, không quy định đối với khu vực ngoài nhà nước vì đối với khu vực ngoài nhà nước, bao gồm cả doanh nghiệp và nhân dân thì chỉ có thể quy định mang tính khuyến khích, không thể có chế tài xử lý, nên hiệu quả điều chỉnh của Luật sẽ không cao. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh hiện nay, việc quy định như trên là cần thiết và hợp lý nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong xã hội nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, ích nước, lợi nhà. Bên cạnh ý nghĩa đó còn nhằm xác định trách nhiệm có tính chất xã hội trong thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí của doanh nghiệp và người dân mà không nhất thiết phải bằng chế tài như đối với khu vực nhà nước.

- *Về đối tượng áp dụng:*

Tương ứng với phạm vi điều chỉnh, Luật năm 2013 quy định đối tượng áp dụng gồm 3 nhóm đối tượng là: (1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động trong khu vực nhà nước; (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; (3) Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác (Điều 2).

2.2. Về nguyên tắc THPT, CLP

Trên cơ sở kế thừa quy định về nguyên tắc THPT, CLP tại Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005, tại Điều 4 Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã bổ sung, làm rõ nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên từ chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách đến tổ chức thực hiện gắn với kiểm tra, giám sát (Khoản 1 Điều 4); thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải gắn với cải cách hành chính và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, không để ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị (Khoản 3 Điều 4).

2.3. Công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 chỉ quy định về lĩnh vực công khai, hình thức công khai, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã bổ sung việc quy định xác định công khai trong quản lý ngân sách nhà nước, vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và các nguồn tài nguyên là biện pháp để bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Khoản 1 Điều 5).

Đồng thời, để tạo điều kiện cho việc giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng như tăng tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã bổ sung quy định công khai kết

quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí tại Điểm g Khoản 2 Điều 5: “*Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí*”.

2.4. Về định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm căn cứ thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Để khắc phục các mặt hạn chế liên quan đến việc ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm căn cứ thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí những năm qua, xác định định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm căn cứ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, căn cứ để kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí cho phù hợp với tình hình và cơ chế chính sách hiện nay, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã sửa đổi, bổ sung làm rõ 3 nhóm định mức, tiêu chuẩn, chế độ (Điều 11), bao gồm: (i) Định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật, áp dụng chung trong cả nước hoặc trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương; (ii) Định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước và các nguồn tài nguyên ban hành theo thẩm quyền; (iii) Định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức được xây dựng và ban hành đúng pháp luật.

Theo đó, hệ thống định mức, tiêu chuẩn không chỉ là định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mà còn là định mức, tiêu chuẩn do cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước.

2.5. Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và của cán bộ công chức, viên chức

Trên cơ sở kế thừa Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã quy định cụ thể về trách

nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức. Đặc biệt, Luật THTK, CLP năm 2013 đã bổ sung trách nhiệm giải trình trước về việc xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình (Khoản 3 Điều 7); giải trình và chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của cán bộ, công chức, viên chức (Khoản 2 Điều 8).

Đồng thời, Luật năm 2013 cũng quy định cụ thể về các trường hợp phải xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại, trong đó, cơ quan, tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có hành vi vi phạm, để xảy ra lãng phí ngoài trách nhiệm giải trình còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Trách nhiệm liên đới cũng được đặt ra với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên nếu để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới và trong đơn vị cấp phó của mình trực tiếp phụ trách (Điều 78).

2.6. Về phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí

Đây được coi là điểm mới quan trọng trong Luật năm 2013, tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát hiện và cung cấp kịp thời các thông tin về lãng phí góp phần ngăn chặn lãng phí cũng như để xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc để xảy ra lãng phí. Thông tin phát hiện lãng phí dưới mọi hình thức phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có lãng phí xem xét, xử lý, khắc phục kịp thời và thực hiện việc giải trình về việc để xảy ra lãng phí (Điều 9).

2.7. Về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực

Luật năm 2005 lấy việc THTK, CLP trong khu vực nhà nước làm trọng tâm, từ đó mở rộng quy định việc THTK, CLP đối với các nguồn lực khác mà pháp luật chuyên ngành còn thiếu hoặc chưa bao quát hết. Theo đó, Luật đã dành 7 Chương (56 Điều) tương ứng với 7 lĩnh vực cụ thể để điều chỉnh. Việc quy định như vậy làm cho Luật trở nên dàn trải và trùng lặp. Để khắc phục nhược điểm này, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã kết cấu

lại theo hướng tập trung vào một Chương (Chương II) gồm 8 Mục và 56 điều, với đồng bộ các quy định về cơ chế, biện pháp THPT, CLP, trách nhiệm THPT, CLP và các chế tài cụ thể đối với các hoạt động, các đối tượng liên quan đến yêu cầu THPT, CLP.

- Ngoài ra, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã bổ sung quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo và nhiệm vụ y tế (Điều 22, Điều 23) là những lĩnh vực dễ xảy ra lãng phí trong thực tế và quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước để tăng cường hiệu quả, tiết kiệm trong việc sử dụng nguồn kinh phí này, hạn chế tối đa bằng việc quy định cụ thể việc thành lập quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước (Điều 24).

- Đối với các hoạt động phải thực hiện yêu cầu quản lý phù hợp với mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm thay vì dành từng điều riêng quy định đối với mỗi hoạt động như Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005, Luật mới đã tập trung vào 1 điều (Điều 25) để quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng các hoạt động này, đặc biệt đưa ra quy định hàng năm đơn vị phải thực hiện kiểm toán nội bộ đối với các khoản chi tiêu liên quan đến các hoạt động này để tăng tính hiệu quả, hiệu lực của Luật.

2.8. Về hành vi gây lãng phí

Trong Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005, các hành vi gây lãng phí không được quy định trực tiếp, gây khó khăn cho việc áp dụng Luật trong thực tiễn. Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã bổ sung quy định về hành vi gây lãng phí một cách tương đối đầy đủ và toàn diện trong các lĩnh vực cụ thể: Hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra định mức, tiêu chuẩn, chế độ (Điều 16); Hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm

định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (Điều 27); Hành vi gây lãng phí trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc (Điều 32); Hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng (Điều 45); Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên (Điều 53); Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước (Điều 58); Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Điều 62);

Những quy định này giúp cho việc nhận diện hành vi gây lãng phí thuận lợi hơn, đưa công tác chống lãng phí đi vào thực chất, hiệu quả.

2.9. Về cơ chế triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí

Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 quy định về cơ chế, biện pháp triển khai thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP hàng năm và dài hạn. Trên cơ sở đó, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP hàng năm và dài hạn thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện cho thấy Chương trình THTK, CLP còn nặng về định tính, thiên về dài hạn vì vậy trở nên hình thức do chưa quan tâm đúng mức đến việc xác định mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể. Bên cạnh đó, việc chỉ quy định trách nhiệm của một số Bộ dẫn tới vừa không đủ các Bộ liên quan, vừa thừa do trách nhiệm cụ thể của Bộ trong việc THTK, CLP đã có điều quy định chung và đã được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của mỗi Bộ theo Luật tổ chức Chính phủ.

Để việc THPTK, CLP được thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả, có chiều sâu, đi vào cuộc sống, cần cụ thể hóa Chương trình THPTK, CLP trên góc độ lượng hóa mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí, Luật năm 2013 đã quy định rõ việc xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí chung trên cả nước gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội trong chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và dài hạn (Điều 67), đồng thời đặt ra yêu cầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ ngành, UBND các cấp cũng phải xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá thực hành tiết kiệm chống lãng phí thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý (Điều 69 và Điều 71). Việc quy định cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu và yêu cầu chống lãng phí trong Chương trình hành động là cần thiết, khắc phục được tình trạng bất cập của quy định trong Luật cũ là Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chỉ mang tính định tính, thiếu giải pháp, biện pháp cụ thể do chưa có định lượng rõ ràng. Việc bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu và yêu cầu chống lãng phí trong chương trình vừa là cơ sở cho việc thực hiện chương trình, đồng thời là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện các chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại từng cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế. Đây là vấn đề có tính chất cốt lõi trong việc đổi mới cơ chế tổ chức điều hành THPTK, CLP qua đó, sẽ đánh giá được hiệu quả, kết quả cụ thể của từng địa phương, ngành, lĩnh vực và của cả nước.

- Ngoài ra, khắc phục nhược điểm của Luật năm 2005 trong quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 chỉ quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính (Điều 68) là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thống nhất triển khai hướng dẫn các quy định của Luật còn trách nhiệm của tất cả các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tập trung quy định tại một điều để tránh tình trạng vừa thừa, vừa thiếu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán

Để nâng cao vai trò giám sát, thanh tra, kiểm toán, ngoài quy định chung tại Điều 6, Điều 10, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 còn có một số điều quy định cụ thể về trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc và các thành viên (Điều 72), trách nhiệm của cơ quan thanh tra (Điều 73), trách nhiệm của Kiểm toán Nhà nước (Điều 74), trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân (Điều 75). Theo đó, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã khắc phục kịp thời những tồn tại của Luật năm 2005 và hoàn thiện cơ chế đấu tranh chống các hành vi gây lãng phí thông qua việc tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, bổ sung quy định đối với các trường hợp sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đi công tác...phải thực hiện kiểm toán nội bộ hàng năm để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm.

- Có cơ chế khen thưởng hợp lý

Để khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hành tiết kiệm, tham gia phát hiện lãng phí, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 bổ sung quy định về việc khen thưởng và nguồn khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hành tiết kiệm, tham gia phát hiện lãng phí, chống lãng phí (Khoản 2 Điều 77).

2.10. Về thời gian báo cáo Quốc hội

Để khắc phục quy định của Luật năm 2005 là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm tại kỳ họp cuối năm dẫn đến không đủ số liệu của năm báo cáo, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 đã sửa đổi theo hướng quy định việc báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của năm trước sẽ được thực hiện tại kỳ họp Quốc hội đầu tiên của năm tiếp theo (Khoản 4 Điều 67).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 nhanh chóng đi vào cuộc sống, sớm phát huy hiệu quả, cần thực hiện một số nhóm việc như sau:

1. Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Ngay sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các nội dung giao hướng dẫn tại Luật để xây dựng kế hoạch triển khai thi hành Luật. Theo đó, Chính phủ sẽ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều được giao tại Luật và hướng dẫn xây dựng, thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Điều 80 (Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật); Khoản 5 Điều 5 (Chính phủ quy định chi tiết hình thức, nội dung, thời điểm công khai); Khoản 7 Điều 9 (Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý thông tin và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí); Khoản 3 Điều 77 (Việc tính toán, xác định và sử dụng các nguồn tiền thưởng quy định tại khoản 2 Điều này do Chính phủ quy định); Khoản 5 Điều 78 (Chính phủ quy định chi tiết xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại); Khoản 2 Điều 67 (Chính phủ có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và dài hạn; xác định, định hướng mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí chung trong cả nước gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội).

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đã có đề trình cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi hoặc quy định bằng văn bản có giá trị pháp lý cao hơn (theo quy định tại Khoản 5 Điều 78; Khoản 4 Điều 29; Khoản 2 Điều 41; Khoản 3 Điều 65). Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, địa phương theo phạm vi, nhiệm vụ được giao phải ban hành các văn bản hướng dẫn đảm bảo các văn bản được ban hành hướng dẫn đồng bộ, thống nhất với Luật từ 01/7/2014.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật

Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần được chú trọng, để từ đó thống nhất và nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân về bản chất và vai trò quan trọng của việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong bối cảnh kinh tế khó khăn như hiện nay. Đối tượng tuyên truyền phổ biến tập trung vào 3 nhóm đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật: (i) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước ; (ii) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; (iii) Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác.

Để có được nhận thức đúng đắn và đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành phong trào sâu rộng trong toàn xã hội, Bộ Tài chính sẽ chủ trì phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức hội, hiệp hội thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật đến người dân. Đồng thời, các cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương và địa phương cũng cần phải phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tập huấn, tuyên truyền về Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm thống nhất về nhận thức và hành động trong thực hiện Luật.

3. Triển khai thi hành Luật

Bên cạnh hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật và tổ chức thực hiện tuyên truyền phổ biến Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, để Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đi vào cuộc sống có hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí hàng năm và dài hạn: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cần nghiêm túc trong xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và dài hạn, trong đó xác định rõ

mục tiêu, chỉ tiêu, phương pháp để thực hiện và tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả trong ngành, lĩnh vực và trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Hai là, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi, lĩnh vực quản lý có trách nhiệm rà soát, lập danh mục các định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật còn thiếu, chưa phù hợp trong các lĩnh vực chuyên ngành để có kế hoạch sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế, tiến bộ khoa học, công nghệ và khả năng của ngân sách để làm cơ sở cho việc thực hiện, kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ba là, các cấp, các ngành phải đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công khai, đưa việc thực hiện công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nề nếp trong các cơ quan, đơn vị và tổ chức nhà nước, tạo điều kiện cho thanh tra, kiểm tra và giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán cần tăng cường và lồng ghép nội dung thanh tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được giao tại Luật với hoạt động nghiệp vụ của mình; gắn kết nội dung thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với hoạt động thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Bốn là, biểu dương khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Bảo vệ những người có công phát hiện, ngăn ngừa các hành vi gây lãng phí; xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với hành vi lãng phí, vi phạm các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.